

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày: 21 - 5 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Tươi
- Bà Nguyễn Văn Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Phương Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 06/2024/TB-TA ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn; Bà Huỳnh Th U, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 1/15 đường H, Khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn H D, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ H Gi, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 1/15 H, Khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/01/2024, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện 26/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Th U trình bày:

Bà và ông D là chỗ quen biết nên trước đây bà có cho ông D vay tiền để xoay sở việc cá nhân trong thời gian thất nghiệp, khi nào lãnh trợ cấp thôi việc sẽ hoàn trả cho bà. Cụ thể là ngày 29/11/2020 (tức là ngày 15/10/2020 âm lịch), ông D có hỏi vay của bà số tiền 45.000.000đồng, hẹn đến ngày 15/01/2021 trả, vay không có lãi vì số tiền không nhiều, thời hạn cũng ngắn. Theo đó, tại nhà bà, ông D có viết “Giấy nợ đề ngày 29/11/2020”, ông D ký tên xong thì đưa bà ký và Gi cho bà giữ, hai bên thống nhất khi nào trả thì bà xé bỏ giấy nợ này. Khi đến hạn, bà biết ông D đã nhận tiền trợ cấp thôi việc nhưng cố tình né tránh không trả nợ. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Về nội dung khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu buộc ông Nguyễn H D trả cho bà Huỳnh Th U số tiền nợ gốc vay là 45.000.000đồng và nợ lãi tính từ ngày 16/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm, yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định về lãi suất của thi hành án từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán nợ.

Bà xác định, trong vụ án này không còn liên quan đến cá nhân hay tổ chức nào khác nên bà không yêu cầu đưa thêm người nào khác vào tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, bà đã cung cấp tài liệu chứng cứ đầy đủ, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chưa Gi nộp và cũng không đề nghị Tòa án thu thập thêm.

Bị đơn ông Nguyễn H D trình bày tại bản tự khai ngày 15/4/2024 thể hiện: Ông thừa nhận khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2021, ông có vay tiền của bà Huỳnh Th U hai lần tổng cộng là 52.000.000đồng, cụ thể là khoảng năm 2019 ông có vay số tiền là 30.000.000đồng và đến khoảng tháng 8 năm 2021 do dịch bệnh bị mất việc làm nên ông vay tiếp của bà U 22.000.000đồng. Sau đó hai bên có thỏa thuận lại (bằng lời nói) là sẽ chuyển số nợ vay 52.000.000đồng này sang tiền nợ hội, thống nhất ông phải trả thành 70.000.000đồng. Đến khoảng tháng 3 năm 2022, ông bắt trả dần số tiền nợ 70.000.000đồng cho bà U lần lượt như sau, trả lần đầu bằng tiền mặt trực tiếp cho bà U với số tiền là 10.000.000đồng, các lần tiếp theo thì chuyển khoản số tiền 60.000.000đồng (chuyển nhiều lần) qua tài khoản của con ruột bà U là bà Võ H Gi tại ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An, tổng cộng ông đã trả cho bà U 70.000.000đồng. Như vậy, ông đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ vay của mình đối với bà U nên ông không còn nợ bà U bất kỳ khoản tiền nào cả. Toàn bộ thỏa thuận này đều không lập thành văn bản nhưng có con gái bà U là bà Gi biết. Đối với giấy nợ ngày 29/11/2020 (tức là ngày 15/10/2020 âm lịch) với số tiền 45.000.000đồng mà hiện nay bà U sử dụng để khởi kiện ông, thì ông thừa nhận chữ ký và chữ viết là của ông nhưng cho rằng thực tế không có nợ bà U nên không đồng ý trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Võ H Gi trình bày: Bà là con ruột của bà Huỳnh Th U, bà có biết ông Nguyễn H D do trước đây ông D có tham gia hội do bà làm chủ thảo. Còn riêng việc vay mượn tiền giữa bà U và ông D thì bà không biết, giữa bà với bà U và ông D chưa từng có thỏa thuận nào là tiền vay này sẽ trả thông qua bà, mẹ bà cũng không có ủy quyền cho bà nhận tiền trả nợ từ ông D là 60.000.000đồng như ông D trình bày, ông D có chuyển tiền cho bà nhưng đó là Gi dịch giữa cá nhân bà và cá nhân ông D, không liên quan đến bà Út. Bà xác định việc vay mượn tiền giữa bà U và ông D thì bà không biết và không liên quan, bà không có nhận khoản tiền nào mà ông D trả cho bà Út. Bà xác định, giấy nợ ngày 29/11/2020 (tức là ngày 15/10/2020 âm lịch) mà bà U khởi kiện thì không liên quan đến bà. Trong vụ án này, bà không có yêu cầu hay tranh chấp gì nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc Gi nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc Gi nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa,

Bà U trình bày bổ sung, bà không thừa nhận lời trình bày của ông D về việc ông D cho rằng khoản nợ 45.000.000đồng ngày 29/11/2020 (tức là ngày 15/10/2020 âm lịch) này là ông D nợ bà Gi. Bà xác định khoản nợ này là ông D nợ bà và hiện tại chưa trả, bà vẫn còn đang giữ bản chính giấy nợ và trên giấy nợ chỉ thể hiện tên bà và tên ông D mà hoàn toàn không có bU tích gì của bà Gi. Hiện nay bà biết ông D cũng có hoàn cảnh khó khăn nên bà xin rU lại yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, bà chỉ yêu cầu ông D hoàn trả nợ gốc là 45.000.000đồng cho bà, ngoài ra bà không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Ông D trình bày bổ sung, giấy nợ 45.000.000đồng ngày 29/11/2020 (tức là ngày 15/10/2020 âm lịch) mà bà U khởi kiện là do ông viết và ký tên nhưng đây là ông viết cho bà Gi vì ông vay bà Gi 45.000.000đồng vào thời điểm trên, chứ không phải vay của bà Út. Còn tại sao có chữ ký và chữ viết của bà U trong giấy nợ này thì ông không biết, ông vẫn xác định ngày 29/11/2020 (tức là ngày 15/10/2020 âm lịch) ông có vay của bà Gi với số tiền 45.000.000đồng và đã trả xong, hiện nay bà U sử dụng giấy nợ này để tiếp tục kiện ông là không đúng nên ông không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố

tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng ngày 29/11/2020, bà U cho ông D vay (vay không có lãi) số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 29/11/2020 (nhằm ngày 15/10/2020 âm lịch) đến ngày 15/01/2021. Bà U cung cấp chứng cứ là giấy vay, ông D cho rằng đã trả hết nợ và trả cho bà Gi (con bà Út). Tại phiên tòa, ông D bổ sung lời trình bày và cho rằng giấy nợ ngày 29/11/2020 là ông viết cho bà Gi vì ông có vay số tiền 45.000.000 đồng từ bà Gi vào ngày này. Tuy nhiên, toàn bộ lời trình bày của ông đều không có chứng cứ chứng minh và không được các đương sự khác thừa nhận. Giấy nợ chỉ thể hiện việc vay tiền giữa bà U và ông D với số tiền là 45.000.000 đồng, vay có thời hạn và không có lãi, thể hiện đầy đủ thông tin của bên vay, bên cho vay, thời gian cho vay và cả hai cùng ký tên, ngoài ra không ghi nhận thông tin gì liên quan đến bà Gi như ông D trình bày. Xét thấy, hợp đồng cho vay tiền trên được xác lập hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có tính pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Thực hiện theo thỏa thuận, bà U đã Gi đủ tiền cho ông D nhưng đến hạn ông D không trả số tiền còn nợ là vi phạm thỏa thuận giữa hai bên. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 45.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 16/01/2021 cho đến khi thi hành xong nhưng tại phiên tòa bà U xin rút lại yêu cầu này nên được ghi nhận. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Th U, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà U khởi kiện yêu cầu ông D có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tố tụng được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Huỳnh Th U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự được xác định là nguyên đơn; ông Nguyễn H D là bị đơn và bà Võ H Gi là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa, bà U và ông D có mặt, riêng bà Gi vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Gi theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành gửi cho đương sự vắng mặt là bị đơn bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc Gi nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc Gi nộp tiếp cận công khai chứng cứ và Thông báo thực hiện quyền đưa ra yêu cầu phản tố để ông D biết và thực hiện. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn trong vụ án. Tại phiên tòa, các đương sự xác định không còn tài liệu chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.1.2] Về nội dung “Giấy nợ đề ngày 29/11/2020”: Qua xem xét giấy nợ do bà U cung cấp, có thể hiện nội dung giữa bà U và ông D có xác lập quan hệ vay tài sản với số tiền vay là 45.000.000đồng, thời hạn vay là đến ngày 15/01/2021, vay không có lãi, mục đích vay theo lời trình bày của bà U là để ông D xoay sở việc cá nhân trong thời gian chờ nhận trợ cấp thôi việc. Bà U trình bày sau khi xác lập giấy nợ nêu trên, bà U đã Gi đủ số tiền 45.000.000đồng cho ông D nhận nhưng khi đến hạn trả nợ thì ông D không hoàn trả được nên đã gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Quá trình giải quyết vụ án, ông D cho rằng từ trước đến nay giữa ông và bà U chỉ có khoản nợ vay gốc là 52.000.000đồng, sau đó hai bên thỏa thuận cho ông trả dần theo phương thức góp hụi từng kỳ nhưng phải cộng thêm lãi nên tổng cộng số nợ bị nâng lên là 70.000.000đồng. Ông đã thực hiện xong theo đúng thỏa thuận trả dần như bà U yêu cầu, cụ thể trả lần 01 là tiền mặt 10.000.000đồng trả trực tiếp cho bà U và 60.000.000đồng chuyển khoản nhiều lần thông qua bà Gi nên hiện nay không còn nợ bà U bất kỳ khoản tiền nào. Riêng “Giấy nợ đề ngày 29/11/2020” với số nợ 45.000.000đồng mà bà U sử dụng khởi kiện ông thì ông xác định toàn bộ nội dung và chữ ký trong giấy nợ là của ông viết nhưng là viết cho bà Gi vì đây là giấy nợ giữa ông và bà Gi, ông cho rằng đã trả cho bà Gi xong. Tuy nhiên, ông không có chứng cứ chứng minh, các bản sao kê ông cung cấp không thể hiện nội dung chuyển khoản là thanh toán cho khoản nợ này, lời trình bày của ông cũng không được bà U và bà Gi thừa nhận. Xét giấy nợ chỉ thể hiện thông tin của ông và bà Út, hoàn toàn không ghi nhận nội dung nào liên quan đến bà Gi, ông không lý giải được lý do vì sao giấy nợ lại thể hiện tên bà U nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông D.

[2.1.3] Do đó, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản giữa bà U và ông D, vay có kỳ hạn và không lãi suất theo quy định tại các Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thỏa thuận và ký kết Gi dịch là tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật, tại mục “Người mượn” có chữ ký, chữ viết ghi tên “Nguyễn H D” được ông D thừa nhận đây là chữ ký và chữ viết của

ông. Do đó, xác định hợp đồng là hợp pháp và làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Gi kết. Thực hiện hợp đồng, ông D đã nhận đủ số tiền 45.000.000đồng từ bà U nhưng đến hạn lại không thanh toán là vi phạm thỏa thuận giữa hai bên và vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích tại các mục [2.1.1], [2.1.2] và [2.1.3], Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 45.000.000đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn rU lại yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 16/01/2021 cho đến khi thi hành.

[2.2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn H D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.250.000đồng, bà U không phải chịu án phí, do bà U đã được miễn tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng cho bà Út.

[2.3] Về mối quan hệ Gi dịch góp hụi và vay tiền giữa bà Gi và ông D , các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp và có yêu cầu sẽ được giải quyết sau bằng vụ án khác.

[2.4] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Th U đối với bị đơn ông Nguyễn H D về việc yêu cầu ông Nguyễn H D hoàn trả cho bà Huỳnh Th U nợ lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 16/01/2021 cho đến khi thi hành án xong.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Th U đối với bị đơn ông Nguyễn H D về việc yêu cầu ông Nguyễn H D hoàn trả nợ gốc vay với số tiền là 45.000.000đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

2. 1 Buộc ông Nguyễn H D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Th U số tiền 45.000.000đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

2.2 Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn H D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 2.250.000đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Tân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc Minh, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thanh Xuân, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh Long An.

Văn bản ủy quyền số 10/UQ-CNLA ngày 06/9/2022.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Thiệt, sinh năm 1970

Địa chỉ: 175 khu C khu phố Rạch Đào, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205, 207; Các Điều 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long.

Buộc ông Lê Văn Thiệt có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long số tiền vay gốc là 3.945.444 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/01/2023 là 3.386.182 đồng, tổng cộng là 7.331.626 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số 108/17/HĐTD/1900-5923 ngày 03/3/2017).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: ông Lê Văn Thiệt phải chịu 366.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002729 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt tất cả các đương sự. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Nguyễn Văn Năm – Nguyễn Thị Thu
Tâm**

Ngô Thị Thùy Diễm

